

Số: *H7* /2015/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 19 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định bảng giá tài sản tính lệ phí trước bạ
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 140/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 140/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;



Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 74/TTr-STC ngày 06/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bảng giá tài sản tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

1. Phương pháp xác định giá tính lệ phí trước bạ (phụ lục I kèm theo).
2. Bảng giá tính lệ phí trước bạ phương tiện xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu mới 100 % (phụ lục II kèm theo).
3. Bảng giá tính lệ phí trước bạ phương tiện xe mô tô, xe gắn máy trong nước mới 100 % (phụ lục III kèm theo).
4. Bảng giá tính lệ phí trước bạ phương tiện xe mô tô, xe gắn máy đã qua sử dụng (phụ lục IV kèm theo).
5. Bảng giá tính lệ phí trước bạ phương tiện xe mô tô, xe gắn máy 03-04 bánh (phụ lục V kèm theo)....
6. Bảng giá tính lệ phí trước bạ phương tiện xe ô tô, xe tải, xe khách nhập khẩu mới 100 % (phụ lục VI kèm theo).
7. Bảng giá tính lệ phí trước bạ phương tiện xe ô tô, xe tải, xe khách do cơ sở kinh doanh trong nước sản xuất, lắp ráp mới 100 % (phụ lục VII kèm theo).
8. Bảng giá tính lệ phí trước bạ phương tiện xe ô tô đã qua sử dụng (phụ lục VIII kèm theo).
9. Bảng giá tính lệ phí trước bạ phương tiện xe trộn bê tông, bơm bê tông tải chuyên dùng, xe bồn (xitéc), sơ mi romooc, đầu kéo nhập khẩu mới 100 % (phụ lục IX kèm theo).
10. Bảng giá tính lệ phí trước bạ phương tiện xe trộn bê tông, bơm bê tông tải chuyên dùng, xe bồn (xitéc), sơ mi romooc, đầu kéo sản xuất trong nước mới 100 % (phụ lục X kèm theo).
11. Bảng giá tính lệ phí trước bạ phương tiện xe trộn bê tông, bơm bê tông tải chuyên dùng, xe bồn (xitéc), sơ mi romooc, đầu kéo đã qua sử dụng (phụ lục XI kèm theo).
12. Bảng giá tính lệ phí trước bạ phương tiện vận tải đường thủy (phụ lục XII kèm theo).
13. Bảng giá tính lệ phí trước bạ xe máy điện (phụ lục XIII kèm theo).

Điều 2. Giao Cục Thuế tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện, Cục Thuế có trách nhiệm phát hiện kịp thời tài sản đăng ký nộp lệ phí trước bạ nhưng chưa được quy định trong bảng

giá tính lệ phí trước bạ hoặc giá quy định trong bảng giá tính lệ phí trước bạ chưa phù hợp với quy định thì có ý kiến gửi Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

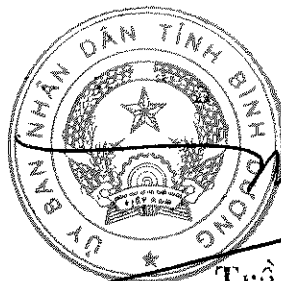
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định bảng giá tài sản tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMT TQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; } mail
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm công báo tỉnh; ✓
- Website tỉnh Bình Dương;
- LĐVP, CV, TH, HCTC;
- Lưu VT *lae*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



mm
Trần Văn Nam

Phụ lục kèm theo của Quyết định 47/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 được đăng trên Website tỉnh Bình Dương.

